

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SEN VÀNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SEN VÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SEN VANG INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109172279

**3. Ngày thành lập:** 04/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 240 tổ 3, Phố Kim Bài, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1610     |
| 2.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1621     |
| 3.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1622     |
| 4.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1623     |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1629     |
| 6.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2591     |
| 7.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2592     |
| 8.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3100     |
| 9.  | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan<br>Chi tiết: Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3211     |
| 10. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4610     |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                              | 4653        |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                     | 4659        |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                             | 4663        |
| 15. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ hàng cấm)                                                                                                                                                                 | 4690        |
| 16. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4741        |
| 17. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                           | 4742        |
| 18. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4752        |
| 19. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                         | 4753        |
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                             | 4759        |
| 21. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ | 4773(Chính) |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định                                      | 4931        |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô              | 4932        |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                | 4933        |
| 25. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                            | 7410        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                 | 8299        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ                                                                                                                                                                   | 9632        |
| 28. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                   | 4101        |
| 29. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                             | 4102        |
| 30. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                       | 4211        |
| 31. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                        | 4212        |
| 32. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                            | 4221        |
| 33. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                 | 4222        |

|     |                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223 |
| 35. | Xây dựng công trình công ích khác                                     | 4229 |
| 36. | Xây dựng công trình thủy                                              | 4291 |
| 37. | Xây dựng công trình khai khoáng                                       | 4292 |
| 38. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                 | 4293 |
| 39. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299 |
| 40. | Phá dỡ                                                                | 4311 |
| 41. | Chuẩn bị mặt bằng                                                     | 4312 |
| 42. | Lắp đặt hệ thống điện                                                 | 4321 |
| 43. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322 |
| 44. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329 |
| 45. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330 |
| 46. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ nổ cát)                      | 4390 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN VĂN ĐÌNH | Số 240 tổ 3, Phố Kim Bài, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 315.000    | 3.150.000.000         | 35,000    | 0010960168<br>11                                                                            |         |
|     |               |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                         | Tổng số                   | 315.000    | 3.150.000.000         | 35,000    |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                         |                           |         |               |        |                  |
|---|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 2 | PHẠM THỊ SEN   | Số 240 tổ 3, Phố Kim Bài, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 360.000 | 3.600.000.000 | 40,000 | 0011720034<br>24 |
|   |                |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                         | Tổng số                   | 360.000 | 3.600.000.000 | 40,000 |                  |
| 3 | TRẦN THÚY BÌNH | Số 240 tổ 3, Phố Kim Bài, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 90.000  | 900.000.000   | 10,000 | 017122471        |
|   |                |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                         | Tổng số                   | 90.000  | 900.000.000   | 10,000 |                  |
| 4 | TRẦN VĂN THÁI  | Số 240 tổ 3, Phố Kim Bài, Thị Trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 135.000 | 1.350.000.000 | 15,000 | 111376250        |
|   |                |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                         | Tổng số                   | 135.000 | 1.350.000.000 | 15,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **TRẦN VĂN ĐỊNH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *27/06/1996*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001096016811*

Ngày cấp: *10/07/2018*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 240 tổ 3, Phố Kim Bài, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 240 tổ 3, Phố Kim Bài, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội